

Bản án số: 930/2026/DS-PT

Ngày: 12/5/2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp quyền sử dụng
đất và hợp đồng hợp tác

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Ngọc Thạch

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2026/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng hợp tác”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2025/DS-ST ngày 03/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1076/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 3561/2026/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 4846/2026/QĐ-PT ngày 07 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lê Hữu T, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ D, khu phố D, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bà Nguyễn Ngọc Thảo H, sinh năm 2001; địa chỉ: tổ I, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hữu T1, sinh năm 1981; địa chỉ liên hệ: số D, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 15/11/2024); có mặt.

- Bị đơn:

1. Ngân hàng TMCP X; địa chỉ: tầng H, Tòa nhà V, số G, L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Hoàng H1, chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trịnh Quốc V, ông Phạm Hải N, ông Nguyễn Trọng S, ông Đỗ Trung Q; cùng địa chỉ: số B P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/3/2026); ông S có mặt, ông V, ông N, ông Q vắng mặt.

2. Công ty TNHH Đ; địa chỉ: tổ H, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Ngọc H2 – chức danh: Giám đốc; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1973; địa chỉ: khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh năm 1976; địa chỉ: khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

Người kháng cáo: nguyên đơn Lê Hữu T, Nguyễn Ngọc Thảo H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Nguyễn Thanh T2, bà Nguyễn Thị Ngọc H2, bà Nguyễn Ngọc Thảo H, ông Nguyễn Thanh T3 (chết năm 2022) là chủ sử dụng phần đất có diện tích khoảng 438m² thuộc thửa số 891, tờ bản đồ số 14 tại khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CB 079508 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H) cấp ngày 08/12/2015 cho ông Nguyễn Thanh T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc H2.

Năm 2016, ông T2 và bà H2 muốn xây nhà để cho thuê nhưng không có tiền nên đã vận động ông T và bà H hùn vốn đầu tư xây dựng nhà ở, phòng trọ và ki ốt để cho thuê.

Ngày 30/11/2016, ông T và bà H cùng với ông T2 và bà H2 thỏa thuận ký kết Hợp đồng hợp tác xây dựng nhà ở, nhà trọ và ki ốt để cho thuê. Hợp đồng có nội dung: địa điểm xây dựng là tại phần đất có diện tích khoảng 438m² thuộc thửa số 891; ông T và bà H, mỗi người bỏ ra 1.000.000.000 đồng để thuê người thi công, xây dựng công trình; còn ông T2 và bà H2 có nghĩa vụ đóng thuế, lệ phí, xin cấp giấy phép xây dựng; thời hạn hợp tác là 20 năm, tính từ ngày 30/11/2016 đến ngày 30/11/2036.

Ông T, bà H đã đưa cho ông T2, bà H2 số tiền 2.000.000.000 đồng theo Giấy

biên nhận tiền lập ngày 30/11/2016 và đã xây dựng trên thửa số 891 các công trình, hạng mục như sau:

Nhà ở: 01 trệt và 01 lầu có tổng diện tích sử dụng là 230m²; kết cấu: tường gạch xây tô, trụ bê tông cốt thép, nền gạch bông, mái ngói và bê tông cốt thép.

Nhà trọ: nhà cấp 4, có 08 phòng trọ, tổng diện tích sử dụng là 72m²; kết cấu: tường gạch xây tô, trụ bê tông cốt thép, nền gạch bông, mái tôn.

Ki ốt: có 02 ki ốt, tổng diện tích sử dụng là 72m²; kết cấu: tường gạch xây tô, trụ bê tông cốt thép, nền gạch bông, mái tôn.

Tổng chi phí ông T và bà H bỏ ra để xây dựng các công trình nêu trên là khoảng 2.000.000.000 đồng.

Khi ông T3 (người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Đ) qua đời, Ngân hàng TMCP X (viết tắt là Ngân hàng) khởi kiện Công ty TNHH Đ (viết tắt là Công ty Đ) yêu cầu Tòa án phát mãi tài sản là nhà đất thuộc thửa số 891 để trả nợ cho Công ty Đ thì ông T và bà H mới biết vào ngày 07/7/2022, ông T2 và bà H2 đã đem quyền sử dụng đất nêu trên thế chấp tại Ngân hàng (Chi nhánh B) để đảm bảo cho khoản vay 4.400.000.000 đồng của Công ty Đ. Nhận thấy hành vi của Ngân hàng, ông T2, bà H2 và Công ty Đ đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông T và bà H nên ông T và bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên vô hiệu và hủy Hợp đồng thế chấp số 96/EIB-BD/TDCN-TC/22 ngày 06/7/2022 giữa Ngân hàng, ông Nguyễn Thanh T2, bà Nguyễn Thị Ngọc H2 và Công ty Đ.

Tuyên vô hiệu và hủy Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-220058532 ngày 07/7/2022 giữa Ngân hàng và Công ty Đ.

Yêu cầu Ngân hàng, Công ty Đ, ông Nguyễn Thanh T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc H2 liên đới thanh toán cho ông T và bà H số tiền 2.000.000.000 đồng (đây là tiền ông T, bà H đã giao cho ông T2, bà H2 theo Giấy biên nhận tiền lập ngày 30/11/2016).

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Ngân hàng TMCP X do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 07/7/2022, Ngân hàng cho Công ty Đ vay số tiền 4.400.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-220058532 và Khế ước nhận nợ số 1800-LDS-220001665. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 891 của ông Nguyễn Thanh T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc H2 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 96/EIB-BD/TDCN-TC/22 ngày 06/7/2022. Ông T2 và bà H2 đã viết Bản cam kết ngày 06/7/2022, xác nhận thửa đất số 891 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất trước, sau khi thế chấp là tài sản riêng của ông T2 và bà H2. Trước khi ký hợp đồng tín dụng, Ngân hàng cũng đã đi thẩm định tài sản thế chấp và tài sản hiện nay có trên đất không thay đổi so với thời điểm thẩm định. Ông T, bà H cũng như ông T2, bà H2 không cung cấp được chứng cứ chứng minh các tài sản có trên thửa đất số 891 là thuộc một phần quyền sở hữu của ông T, bà H. Vì vậy, Ngân hàng nhận thế chấp là đúng quy định pháp luật. Vụ án “Tranh chấp hợp

đồng tín dụng” giữa Ngân hàng với Công ty Đ đối với khoản vay nêu trên đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật nên Ngân hàng không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H.

Bị đơn Công ty Đ: đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 các văn bản tố tụng cho người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Ngọc H2 để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày là từ bỏ nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T2 trình bày:

Trên thửa đất số 891, ngoài tài sản của ông T và bà H xây dựng thì còn có nhà và các công trình gắn liền với đất do hộ gia đình ông T2 xây, nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H. Khi nhận thế chấp, Ngân hàng không đi thẩm định, đo đạc, định giá tài sản. Vì vậy, ông T2 yêu cầu Tòa án tiến hành đo đạc, định giá đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 891; đồng thời đưa Công ty TNHH T4 (viết tắt là Công ty T4) vào tham gia tố tụng, vì Ngân hàng đã chi cho Công ty này số tiền 3.101.714.220 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H2: Đã được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 các văn bản tố tụng để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; việc không có ý kiến trình bày là từ bỏ nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2025/DS-ST ngày 03/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Ngọc Thảo H đối với Ngân hàng TMCP X và Công ty TNHH Đ về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng hợp tác”.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và khởi kiện.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP X đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được giải quyết tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 13/2025/KDTM-PT ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 40/2024/KDTM-ST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan

điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.
- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T2, bà Nguyễn Thị Ngọc H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không có yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Thanh T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc H2 tại chứng cứ mà nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện là “*Giấy biên nhận tiền*” ngày 30/11/2016. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm thì người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Căn cứ vào Điều 102 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

[3] Căn cứ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 13/2025/KDTM-PT ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh) và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 40/2024/KDTM-ST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh) thì Hợp đồng thế chấp số 96/EIB-BD/TDCN-TC/22 ngày 06/7/2022 giữa Ngân hàng TMCP X, ông Nguyễn Thanh T2, bà Nguyễn Thị Ngọc H2 và Công ty TNHH Đ; Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-220058532 ngày 07/7/2022 giữa Ngân hàng TMCP X và Công ty TNHH Đ đã được giải quyết tại Bản án sơ thẩm và phúc thẩm nêu trên. Bản án sơ thẩm và phúc thẩm hiện đang có hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị theo thủ tục tái thẩm hoặc giám đốc thẩm.

Nay ông T và bà H tiếp tục khởi kiện tranh chấp hai hợp đồng đã được xem xét, giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, là thuộc trường hợp sự việc đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực của Tòa án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong trường hợp này, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp của nguyên đơn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xét xử là không đúng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 311 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc Ngân hàng TMCP X, Công ty TNHH Đ, ông Nguyễn Thanh T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc H2 liên đới thanh toán cho ông T và bà H số tiền 2.000.000.000 đồng, là tiền ông T, bà H đã giao cho ông T2, bà H2 theo Giấy biên nhận tiền lập ngày 30/11/2016. Xét, tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 13/2025/KDTM-PT ngày 27/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã nhận định: *“Ngày 11/3/2025, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tạm ngừng phiên tòa, đồng thời tổng đạt Thông báo về việc yêu cầu giao nộp chứng cứ số 04/TB-TA ngày 20/02/2025 để bà H2 giao nộp chứng cứ liên quan đến quyền sở hữu tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất thế chấp; tổng đạt Thông báo số 01/TB-TA ngày 20/02/2025 để bà H, ông T giao nộp chứng cứ liên quan đến quyền sở hữu tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất thế chấp và trình bày ý kiến có yêu cầu tham gia tố tụng hay không? Tuy nhiên, bà H2, bà H, ông T không có chứng cứ hợp pháp để chứng minh quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thế chấp có liên quan đến người thứ ba; bà H, ông T không có yêu cầu tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập”* và tại bản án phúc thẩm nêu trên đã xác định *“toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thời điểm thế chấp (ngày 07/7/2022) đến nay đều thuộc tài sản thế chấp. Ông T2, bà H2 không có chứng cứ hợp pháp là giấy phép xây dựng, giấy công nhận quyền sở hữu tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu của người khác mà họ không biết vào thời điểm thế chấp. Bà H, sinh năm 2001 (là con của ông T2, bà H2) và ông T (đại diện của bà H2 khai ông T là bạn bà H) cũng không có chứng cứ hợp pháp là giấy phép xây dựng, giấy công nhận quyền sở hữu tài sản trên đất để chứng minh có tài sản của mình tồn tại trên đất”*. Những tình tiết trên là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, ông T buộc Ngân hàng TMCP X, Công ty TNHH Đ, ông Nguyễn Thanh T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc H2 liên đới thanh toán cho ông T và bà H số tiền 2.000.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Về án phí sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm tính án phí cho nguyên đơn số tiền 78.000.000 đồng là không đúng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đồng thời, trong vụ án này bị đơn không có yêu cầu phản tố, không nộp tạm ứng án phí nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên trả án phí cho bị đơn là không phù hợp với chứng cứ có tại hồ sơ.

[6] Từ những phân tích trên, kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp một phần.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; Điều 296; khoản 2 Điều 308; Điều 311, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Ngọc Thảo H.

2. Hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2025/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc:

- Tuyên vô hiệu và hủy Hợp đồng thế chấp số 96/EIB-BD/TDCN-TC/22 ngày 06/7/2022 giữa Ngân hàng TMCP X, ông Nguyễn Thanh T2, bà Nguyễn Thị Ngọc H2 và Công ty TNHH Đ.

- Tuyên vô hiệu và hủy Hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-220058532 ngày 07/7/2022 giữa Ngân hàng TMCP X và Công ty TNHH Đ.

3. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 54/2025/DS-ST ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

3.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Ngọc Thảo H về việc yêu cầu Ngân hàng TMCP X, Công ty TNHH Đ, ông Nguyễn Thanh T2 và bà Nguyễn Thị Ngọc H2 liên đới thanh toán cho ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Ngọc Thảo H số tiền 2.000.000.000 đồng.

3.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Ngọc Thảo H phải liên đới chịu số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), được trừ vào tạm ứng đã nộp (đã thực hiện xong).

3.3. Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Ngọc Thảo H phải chịu số tiền 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 36.300.000 đồng (ba mươi sáu triệu ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004484 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Ngọc Thảo H Hiền còn phải nộp số tiền 35.700.000 đồng (ba mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng).

4. Án phí phúc thẩm: Trả lại cho ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Ngọc Thảo H mỗi người số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0020342 và 0020334 cùng ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (15), 72.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết